TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

Số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2018
Về tranh chấp: "*Ly hôn, nuôi con chung*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hảo Phát.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Trầm;**

2. Bà **Bùi Thị Hoa Mai.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Sĩ** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 839/2017/ST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thế K**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số XX, ấp Y, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị C. G**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số XX, ấp Y, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2017, lời trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thế K trình bày:

Anh và chị G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2008

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị G cờ bạc, gây nợ nần, anh có khuyên răn nhưng không được, chị G đã bỏ nhà đi từ tháng 11/2008 đến nay. Hiện tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung Nguyễn Phạm M. N, sinh ngày 18/6/2002 và Nguyễn Phạm T. K, sinh ngày 28/10/2006. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Chị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, anh K và chị G tự nguyện chung sống từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng ngày 13/11/2008 chị G tự ý bỏ nhà đi. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh K yêu cầu ly hôn với chị G. Do chị G và anh K sống chung không có đăng ký kết hôn nên theo quy định của luật hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa anh K, chị G không phải là vợ chồng do đó cần tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Phạm M. N, sinh ngày 18/6/2002 và Nguyễn Phạm T. K, sinh ngày 28/10/2006, hiện cháu N và cháu K đang sống cùng với anh K và các cháu có nguyện vọng sống cùng với anh K nên giao cháu N, cháu K cho anh K nuôi dưỡng là hợp lý. Ghi nhận anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị C G đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị G tự nguyện chung sống từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó chị G đam mê cờ bạc bỏ bê gia đình, không quan tâm chăm sóc các con. Đến tháng ngày 13/11/2008 chị G tự ý bỏ nhà đi, nhận thấy tình cảm không còn nên anh K yêu cầu ly hôn với chị G. Xét yêu cầu và lời trình bày của anh K thấy rằng: Anh K và chị G sống chung không có đăng ký kết hôn nên theo quy định của luật hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa anh chị không phải là vợ chồng do đó cần tuyên bố không công nhận anh K và chị G là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Phạm M. N, sinh ngày 18/6/2002 và Nguyễn Phạm T. K, sinh ngày 28/10/2006, hiện cháu N và cháu K đang sống cùng với anh K và các cháu có nguyện vọng sống cùng với anh K nên giao cháu N, cháu K cho anh K nuôi dưỡng là hợp lý. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Anh K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Thế K và chị Phạm Thị C. G là vợ chồng.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Thế K tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Phạm M. N, sinh ngày 18/6/2002 và Nguyễn Phạm T. K, sinh ngày 28/10/2006. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng

theo biên lai thu số 0004951 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh K đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho anh K biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị G vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hảo Phát

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.